

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày 06-5-2019
V/v yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hải Đăng.
2. Ông Đỗ Ngọc Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 06-5-2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2019/TLST-HNGĐ ngày 21-3-2019 về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 19-4-2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Lăng Thị T, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt).

+ Bị đơn: Anh Lý Văn P, sinh năm 1969 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn TB, xã TT, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến trong biên bản hòa giải, chị Lăng Thị T trình bày:

Chị và anh P có được tự nguyện tìm hiểu và về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi vã, không còn tình cảm, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nay chị làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh P. Về con, tài sản, công nợ chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, ý kiến ghi trong biên bản hòa giải, anh Lý Văn P trình bày:

Anh và chị T chung sống từ năm 1992 nhưng vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Từ năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên

xảy ra cãi vã, không thể tiếp tục chung sống. Nay chị T đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng thì anh đồng ý. Về con, tài sản, công nợ: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị T và anh P không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân không được pháp luật công nhận, vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh P. Về con chung, tài sản, công nợ: chị T và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Miễn tiền án phí cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T yêu cầu Tòa không công nhận quan hệ vợ chồng với anh P, anh P hiện cư trú tại thôn TB, xã TT, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân huyện Yên Thế đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, chị T và anh P đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh P chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân không được pháp luật công nhận, vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Do đó, yêu cầu của chị T về việc không công nhận quan hệ vợ chồng với anh P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung, tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị T và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị T thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các quy định tại Điều 28; Điều a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 1 khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lăng Thị T và anh Lý Văn P.

2. Về tiền án phí: Miễn tiền án phí ly hôn cho chị Lăng Thị T.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã TT.
- Các đương sự.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Trang